

Biểu mẫu 05

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 8
TRƯỜNG TIỂU HỌC ÂU DƯƠNG LÂN

THÔNG BÁO

Cam kết chất lượng giáo dục của trường tiểu học, năm học 2021 - 2022

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp				
		Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
I	Điều kiện tuyển sinh	Tổng số: 363 HS (8 lớp) 1. Tuổi của học sinh tiểu học từ 6 đến 14 tuổi (tính theo năm). 2. Tuổi vào học lớp 1 là 6 tuổi; trẻ em khuyết tật, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, trẻ em ở nước ngoài về nước có thể vào học lớp 1 ở độ tuổi từ 7 đến 9 tuổi.	Tổng số: 378 HS (8 lớp) Học sinh hoàn thành chương trình lớp 1 tại đơn vị và học sinh chuyển đến theo đúng quy định	Tổng số: 461 HS (10 lớp) Học sinh hoàn thành chương trình lớp 2 tại đơn vị và học sinh chuyển đến theo đúng quy định	Tổng số: 551 HS (12 lớp) Học sinh hoàn thành chương trình lớp 3 tại đơn vị và học sinh chuyển đến theo đúng quy định	Tổng số: 450 HS (10 lớp) Học sinh hoàn thành chương trình lớp 4 tại đơn vị và học sinh chuyển đến theo đúng quy định
II	Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục thực hiện	Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành theo Quyết định số 3956/2021/QĐ-UBND ngày 27/08/2021. Thực hiện 35 tuần/năm học 1. Ngày tựu trường: 08/9/2021 2. Ngày khai giảng: 5/9/2021 Ngày bắt đầu chương trình học kỳ I đến kết thúc chương trình học kỳ I: Từ ngày : 20/9/2021 đến 21/01/2022(gồm 18 tuần) Ngày bắt đầu chương trình học kỳ II đến kết thúc chương trình học kỳ II: Từ ngày : 24/01/2022 đến 27/05/2022 (gồm 17 tuần) Tổng kết năm học: ngày 30/5/2022.				
III	Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình. Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh	1. Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình: - Thực hiện theo Thông tư 55/ 2011/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo ngày 22/11/2011 ban hành Điều lệ Ban Đại diện Cha mẹ học sinh. - Cơ sở giáo dục thường xuyên thông tin các hoạt động của trường, của ngành thông qua hệ thống bảng tin, trang web, sổ liên lạc, của đơn vị. - Họp Cha mẹ học sinh 03 kỳ/năm - Thông tin về Thông tư số 30 và thông tư 22/2016/TT-				

		BGDDT của Bộ Giáo dục và Đào tạo về đánh giá học sinh tiểu học. - Gia đình thường xuyên trao đổi với giáo viên chủ nhiệm hoặc qua sổ liên lạc, ... 2. Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh: - Chấp hành tốt các nội quy học sinh. - Thái độ học tập tích cực, chủ động. - Thực hiện tốt theo 5 điều Bác Hồ dạy. - Biết cách tự học; tự giác và có kỷ luật. - Năng động, sáng tạo; biết hợp tác và chia sẻ
IV	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục	- Sinh hoạt tập thể, sinh hoạt dưới cờ theo từng chủ điểm, hoạt động ngoại khoá theo yêu cầu thực tế, phù hợp cho từng lứa tuổi học sinh. - Sinh hoạt Đội, Sao Nhi đồng. - Tổ chức các Lễ phát động: tháng An toàn giao thông, theo chủ đề năm học... - Tổ chức hội giao lưu: Đố vui để học, Trò chơi dân gian .. - Tổ chức các hoạt động trải nghiệm sáng tạo.
V	Kết quả năng lực, phẩm chất, học tập, sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được	- Thực hiện 5 nhiệm vụ học sinh đầy đủ 100% - 100% học sinh hoàn thành rèn luyện năng lực, phẩm chất - Lễ phép, tích cực, năng động - Được giáo dục về kỹ năng sống - Có ý thức bảo vệ môi trường - Giữ vững hiệu suất đào tạo, hoàn thành chương trình lớp học đạt từ 99 % - Học sinh lớp 5 hoàn thành chương trình bậc Tiểu học: 100%. - Không có học sinh bỏ học. - Đảm bảo vệ sinh ATTP cho học sinh - Giảm số lượng, tỉ lệ trẻ thừa cân béo phì - Thường xuyên tổ chức vệ sinh trường lớp. - 100 % học sinh được chăm sóc sức khỏe ban đầu. - 100% học sinh tham gia bảo hiểm y tế.
VI	Khả năng học tập tiếp tục của học sinh	- Có kiến thức, kỹ năng cơ bản vững chắc. - Đủ sức để học ở lớp trên hoặc cấp học trên. - Tăng cường công tác thẩm định và bàn giao chất lượng giáo dục giữa lớp dưới với lớp trên cũng như giữa tiểu học lên THCS. - Tăng cường giáo dục các kỹ năng sống cho học sinh.

Quận 8, ngày 24 tháng 01 năm 2022

Thủ trưởng đơn vị



Lý Khải Thông

Biểu mẫu 06

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 8
TRƯỜNG TIỂU HỌC ÂU DƯƠNG LÂN

THÔNG BÁO

Công khai thông tin chất lượng giáo dục tiểu học thực tế, năm học 2021 - 2022

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp				
			Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
I	Tổng số học sinh	2 203	363	378	461	581	450
II	Số học sinh học 2 buổi/ngày (tỷ lệ so với tổng số)	1476	260	277	283	365	291
III	Số học sinh chia theo phẩm chất	2 203	363	378	461	581	450
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	2 203	363	378	461	581	450
2	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)						
3	Cần cố gắng (tỷ lệ so với tổng số)						
IV	Số học sinh chia theo kết quả năng lực	2 203	363	378	461	581	450
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	2 130	352	340	459	581	450
2	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	73	11	30	32		
3	Cần cố gắng (tỷ lệ so với tổng số)						
V	Tổng hợp kết quả cuối năm						
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)						
a	Trong đó: HS được khen thưởng cấp trường (tỷ lệ so với tổng số)						
b	HS được cấp trên khen thưởng (tỷ lệ so với tổng số)						
2	Ở lại lớp (tỷ lệ so với tổng số)						

Quận 8, ngày 24 tháng 01 năm 2022

Thủ trưởng đơn vị



Lý Khải Thông

Biểu mẫu 07

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 8
TRƯỜNG TIỂU HỌC ÂU DƯƠNG LÂN

THÔNG BÁO

Công khai thông tin cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục tiểu học, năm học 2021 - 2022

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học/số lớp	44/48	Số m ² /học sinh
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	44	-
2	Phòng học bán kiên cố		-
3	Phòng học tạm		-
4	Phòng học nhờ, mượn		-
III	Số điểm trường lẻ		-
IV	Tổng diện tích đất (m²)	4583(m ²)	2.07 m ²
V	Diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	2892(m ²)	1.31 m ²
VI	Tổng diện tích các phòng	2112 (m ²)	0.95 m ²
1	Diện tích phòng học (m ²)	48 (m ²)	1.1 m ²
2	Diện tích phòng thư viện (m ²)	72(m ²)	0.03 m ²
3	Diện tích nhà đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)	0	
4	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật (m ²)	48 (m ²)	1.1 m ²
5	Diện tích phòng ngoại ngữ (m ²)	48 (m ²)	1.1 m ²
6	Diện tích phòng tin học (m ²)	48 (m ²)	1.1 m ²
7	Diện tích phòng thiết bị giáo dục (m ²)	48 (m ²)	1.1 m ²
8	Diện tích phòng hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật học hòa nhập (m ²)	0	
9	Diện tích phòng truyền thống và hoạt động Đội (m ²)	72(m ²)	
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)	52/52	Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định	48/52	
1.1	Khối lớp 1	8	8/11
1.2	Khối lớp 2	8	10/13
1.3	Khối lớp 3	10	13/11
1.4	Khối lớp 4	12	11/11
1.5	Khối lớp 5	10	8/11
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định	0	Số bộ/lớp
2.1	Khối lớp 1	0	0
2.2	Khối lớp 2	0	0
2.3	Khối lớp 3	0	0
2.4	Khối lớp 4	0	0
2.5	Khối lớp 5	0	0
VIII	Tổng số máy vi tính đang được sử dụng	50	Số học sinh/bộ

	phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)		
IX	Tổng số thiết bị		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi		2
2	Cát xét		0
3	Đầu Video/dầu đĩa		0
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể		5
5	Thiết bị khác...		0
6			

	Nội dung	Số lượng (m ²)
X	Nhà bếp	1
XI	Nhà ăn	1

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	48/1440 m ²	1467	1 1/ chỗ
XIII	Khu nội trú			

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	6		16		0 12/ học sinh
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

(*Theo Quyết định số 07/2007/QĐ-BGĐT ngày 02/4/2007 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học và Quyết định số 08/2005/QĐ-BYT ngày 11/3/2005 của Bộ Y tế quy định về tiêu chuẩn vệ sinh đối với các loại nhà tiêu).

		Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	X	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	X	
XVII	Kết nối internet (ADSL)	X	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	X	
XIX	Tường rào xây	X	

Quận 8, ngày 24 tháng 01 năm 2022
Thủ trưởng đơn vị



Lý Khải Thông

Biểu mẫu 08

**ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 8
TRƯỜNG TIỂU HỌC ÂU DƯƠNG LÂN**

**Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên
của cơ sở giáo dục tiểu học, năm học 2021 - 2022**

Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp			Ghi chú
		TS	ThS	ĐH	CD	TCCN	Dưới TC	Hạng IV	Hạng III	Hạng II	Xuất sắc	Khá	Trung bình	
Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	73		2	63	5	3	2							
I Giáo viên	63			60	3									
Trong đó số giáo viên chuyên biệt:														
1 Tiếng dân tộc														
2 Ngoại ngữ	5			4	1									
3 Tin học	1			1										
4 Âm nhạc	2			1	1									
5 Mỹ thuật	1			1										
6 Thể dục	1			1										
II Cán bộ quản lý	3		2	1										
1 Hiệu trưởng	1			1										
2 Phó hiệu trưởng	2		2	0										
III Nhân viên	7					2	3	2						
1 Nhân viên văn thư	1						1							
2 Nhân viên kế toán	1						1							
3 Thủ quỹ							0							
4 Nhân viên y tế	0													
5 Nhân viên thư viện	1					1								
6 Nhân viên thiết bị, thí nghiệm														
7 Nhân viên công nghệ thông tin	1					1								
8 Nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật														
9 Nhân viên TPT, phục vụ, bảo vệ.	3						1	2						

Quận 8, ngày 21 tháng 01 năm 2022
Thủ trưởng đơn vị



Lý Khải Thông